TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Lương Quốc P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị H có đơn xin vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh P chung sống vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/12/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó làm cho cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc.

Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, đời sống chung đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Có hai người con chung tên Lương Quốc K, sinh ngày 17/12/2001 và Lương Thị Mỹ T, sinh ngày 12/02/2012. Ly hôn chị đồng ý giao cháu T cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu T. Riêng cháu K đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai ngày 21/8/2023, bị đơn anh P trình bày: Anh đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lương Thị Mỹ T, sinh ngày 12/02/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H có đơn xin vắng mặt. Anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh P theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh P chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/12/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh P là hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh P. Anh P cũng đồng ý ly hôn, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh P có hai người con chung tên Lương Quốc K, sinh ngày 17/12/2001 và Lương Thị Mỹ T, sinh ngày 12/02/2012.

Xét chị H yêu cầu giao cháu T cho anh P nuôi dưỡng, thấy rằng: Cháu T đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với anh P nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu T cho anh P nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu K đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét anh P không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hồ Thị Thu H được ly hôn với anh Lương Quốc P.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Mỹ T, sinh ngày 12/02/2012 cho anh Lương Quốc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Hồ Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Hồ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017688 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị H thi hành xong án phí.

4. Chị H, anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức